

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO TRONG ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ

Ninh Thị Bạch Diệp

Trường Đại học Tân Trào
Email: ninhdiiep.tq@gmail.com

Article history

Received: 01/3/2022

Accepted: 21/3/2022

Published: 05/5/2022

Keywords

Reality, solutions, efficiency, competence, scientific research, students, credit-based training

ABSTRACT

The reality in the training in the world as well as in Vietnam has proven the superiority and effectiveness of the credit-based training management model. One of the merits of this form is promoting students' ability to self-study and self-research, thus developing their creativity and initiative in learning. This study shows that the development of scientific research capacity for students of Tan Trao University played an important role in credit-based training; the number of scientific research products of students was still quite modest; students were aware of the benefits of scientific research, but still lack knowledge, scientific research capacity, and experience when implementing the research due to lack of confidence. The solutions proposed in this study are supposed to exert positive effects, contributing to promoting scientific research activities among students; at the same time, serve as a research and application reference for other educational institutions in accordance with local conditions.

1. Mở đầu

Đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) là hai nhiệm vụ chính và quá trọng nhất bất cứ một trường đại học nào cũng đều phải thực hiện. Thông qua hoạt động NCKH, sinh viên (SV) được chủ động trong học tập, tìm tòi sáng tạo; qua đó phát triển tối ưu tư duy sáng tạo, kỹ năng, kỹ xảo NCKH của bản thân trong quá trình tiếp nhận tri thức, từ đó sử dụng chúng vào giải quyết một số vấn đề lý luận và thực tiễn. NCKH góp phần nâng cao tính sáng tạo, đạo đức khoa học, hình thành và hoàn thiện nhân cách của người lao động mới, qua đó góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Với sứ mệnh "là cơ sở đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước" (nguồn: <https://daihoctantrao.edu.vn/su-mang-tam-nhin.html>), Trường Đại học Tân Trào luôn chú trọng nâng cao chất lượng của hoạt động NCKH bên cạnh chất lượng giảng dạy và trách nhiệm phục vụ cộng đồng của một trường đại học. Với lợi thế là trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, các hoạt động NCKH của SV nhà trường rất phong phú và đa dạng. Trong những năm qua, các đề tài NCKH của SV được triển khai, nghiệm thu thành công trên các lĩnh vực như: nông nghiệp, kinh tế, tâm lý, giáo dục, văn hóa,... Tuy nhiên, song song với những lợi ích mà NCKH mang lại thì các em còn gặp nhiều khó khăn, thách thức khi triển khai thực hiện đề tài. Chính vì vậy, thực tế cho thấy là trường đại học có thể đào tạo hàng nghìn SV nhưng trong một năm học có rất ít SV tham gia NCKH, cùng với đó là số lượng các đề tài NCKH trong SV cũng rất hạn chế.

Từ những vấn đề trên, sau khi phân tích một số khái niệm có liên quan đến NCKH và năng lực (NL) NCKH, chúng tôi đã phân tích thực trạng hoạt động NCKH của SV trường Đại học Tân Trào, để từ đó làm cơ sở đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh hơn nữa số lượng và chất lượng hoạt động NCKH trong SV tại Trường Đại học Tân Trào nói riêng và trong các trường đại học nói chung.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

- *Nghiên cứu khoa học*. Có nhiều quan niệm khác nhau về NCKH như: Theo Babbie (2011), NCKH là cách thức con người tìm hiểu các hiện tượng khoa học một cách có hệ thống và quá trình áp dụng các ý tưởng, nguyên lý để tìm ra các kiến thức mới nhằm giải thích các sự vật hiện tượng. Theo Luật Khoa học và công nghệ (2018), NCKH là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn (Quốc hội, 2018). Theo Vũ Cao Đàm (2011), NCKH là sự phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới; hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật mới

để làm biến đổi sự vật phục vụ cho mục tiêu hoạt động của con người. Về mặt thao tác, có thể định nghĩa, NCKH là quá trình hình thành và chứng minh luận điểm khoa học về một sự vật, hiện tượng cần khám phá. Như vậy, về bản chất thì NCKH là hoạt động sáng tạo của con người nhằm nhận thức thế giới, tạo ra hệ thống tri thức có giá trị để sử dụng vào cải tạo thế giới.

- *NL NCKH*: Theo tác giả Sebarová (2008), NL NCKH là một hệ thống “mở” và không ngừng phát triển, bao gồm các kiến thức chuyên môn và kiến thức quy trình trong lĩnh vực nghiên cứu, các thái độ và sự sẵn sàng của cá nhân cho phép các giảng viên (GV) thực hiện một nghiên cứu giáo dục trong khuôn khổ hoạt động nghề nghiệp của họ. Theo Nguyễn Xuân Quy (2015), NL NCKH là khả năng tìm tòi, sáng tạo ra những tri thức khoa học mới, khám phá bản chất và các quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy. Theo Nguyễn Thị Minh Hồng và Nguyễn Vĩnh Khương (2016), NL NCKH là khả năng thực hiện hoạt động NCKH theo mục tiêu xác định nhằm đạt được một kết quả nhất định, giải quyết vấn đề đã đặt ra. Như vậy, NL NCKH có thể hiểu là sự tổng hợp khả năng về trình độ tri thức, phương pháp tư duy và sự sáng tạo của chủ thể sử dụng trong việc phát hiện và giải quyết có hiệu quả những vấn đề nghiên cứu theo ngành nghề chuyên môn và cương vị, chức trách được đảm nhiệm.

SV có thể tham gia các hình thức NCKH phong phú như: hội nghị, hội thảo khoa học, thi Olympic, dự thi NCKH, câu lạc bộ SV NCKH, SV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH của GV. Một số hoạt động NCKH mà SV có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như viết tiểu luận, báo cáo thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp, hay thực hiện những NCKH ở cấp khoa, trường...

2.2. Vai trò của việc phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên trong đào tạo theo tín chỉ

NCKH được đánh giá là phương pháp hiệu quả để SV mở rộng, đào sâu vốn kiến thức cũng như vốn kỹ năng mềm của bản thân; là cơ hội để SV áp dụng những kiến thức lý thuyết đã học vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn. Phát triển NL NCKH cho SV giúp SV bổ sung những kiến thức không được học trong chương trình chính khóa, lấp đầy những kiến thức về kinh tế, đời sống xã hội để làm giàu vốn sống cho bản thân. Trong quá trình đi khảo sát hay thực tế, các em sẽ phải vận dụng những NL này để hoàn thành nội dung nghiên cứu đã đề ra. Bên cạnh đó, khi thực hiện các đề tài NCKH, SV không chỉ phát huy được những NL NCKH mà còn phát triển được các NL khác như: NL phát hiện và giải quyết vấn đề, NL hợp tác, NL giao tiếp... qua đó phát triển tổng thể cả tri thức và nhân cách cho SV. Không chỉ vậy, hoạt động NCKH còn góp phần phát huy tính năng động, sáng tạo; khả năng tư duy độc lập, tự học hỏi của SV. Đối với mỗi SV, những kỹ năng này không chỉ quan trọng trong quãng thời gian học tập tại giảng đường mà còn theo sát họ trong suốt quãng thời gian làm việc sau này.

Phương thức đào tạo theo tín chỉ là phương thức đào tạo linh hoạt, mềm dẻo, trong đó SV được chủ động lập kế hoạch và đăng ký học tập, tích lũy từng phần kiến thức theo tiến độ phù hợp với NL và điều kiện bản thân và nhà trường nhằm hoàn tất chương trình đào tạo. Trong quá trình đào tạo, SV có thể chủ động lựa chọn những học phần tự chọn phù hợp với sở thích cá nhân và định hướng chuyên ngành phù hợp một cách linh hoạt, mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định những nội dung phù hợp, thích ứng với nhu cầu xã hội. Vì vậy, hoạt động học tập của SV trong đào tạo theo tín chỉ mang tính độc lập cao, các em sẽ chủ động bố trí lịch học sao cho thuận tiện nhất để dành thời gian cho NCKH.

2.3. Thực trạng nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Tân Trào

Trong những năm qua, công tác NCKH của Trường Đại học Tân Trào có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực: Nội dung nghiên cứu đa dạng, đối tượng tham gia NCKH cũng được mở rộng hơn. Các hoạt động NCKH của Nhà trường như: hội thảo, tập huấn, ngoại khóa chuyên đề... đã thu hút được sự tham gia của cán bộ, GV và SV nhà trường. Có thể kể đến các cuộc hội thảo như: Hội thảo khoa học quốc tế “Văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc trong sự giao thoa giữa các quốc gia Đông Nam Á”; Hội thảo khoa học “Chương trình đào tạo giảng viên mầm non, tiểu học, THCS do Trường Đại học Tân Trào đào tạo giai đoạn 2006-2016 từ góc nhìn thực tiễn”; Hội thảo khoa học “Vật lý hiện đại và ứng dụng”; Chương trình ngoại khóa chuyên môn “Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích hợp liên môn ở THCS hiện nay”...

Về chế độ của SV khi tham gia NCKH, theo Quy chế chi tiêu nội bộ (Trường Đại học Tân Trào, 2022), kinh phí hỗ trợ cho một đề tài NCKH của SV không quá 2 triệu đồng; về quyền lợi, SV tham gia NCKH sẽ được hưởng các quyền lợi như: (1) Được tạo điều kiện sử dụng các thiết bị sẵn có của Khoa, Trường để tiến hành NCKH; (2) Được hỗ trợ kinh phí thực hiện công trình NCKH theo quy định của trường; (3) Được ưu tiên xét cấp học bổng, xét các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng khác nếu có thành tích NCKH xuất sắc; (4) Được tính điểm rèn luyện, khen thưởng, cộng vào điểm trung bình chung học kì theo quy định của Bộ GD-ĐT; (5) Được công bố kết quả NCKH trên các tạp chí, kỷ yếu, hội nghị khoa học,...

Về số lượng sản phẩm NCKH của SV Trường Đại học Tân Trào trong 5 năm học gần đây: Năm học 2016-2017: 10; năm học 2017-2018: 10; năm học 2018-2019: 14; năm học 2019-2020: 06; năm học 2020-2021: 20. Bên cạnh những sản phẩm về đề tài trong năm học 2020-2021, SV Trường Đại học Tân Trào có 05 bài khoa học tại Hội thảo Quốc tế; 02 bài báo cấp trường (nguồn: <https://daihoctantrao.edu.vn/de-tai-du-an/danh-muc-de-tai-sinh-vien-778.html>). Như vậy, số lượng sản phẩm NCKH của SV của Trường Đại học Tân Trào còn khá khiêm tốn.

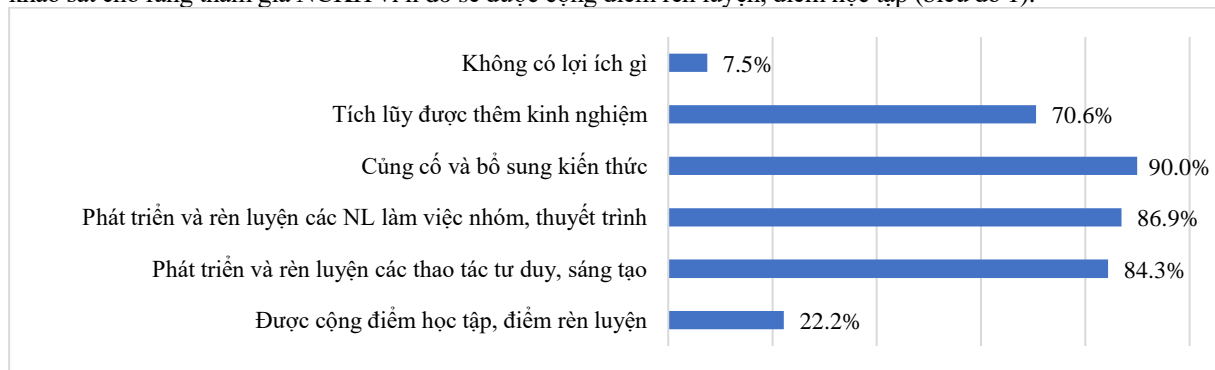
Để đánh giá thực trạng NCKH của SV, chúng tôi tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 428 SV chính quy năm thứ 2, 3, 4 của các khoa khác nhau trong Nhà trường vào tháng 10/2020, trong đó: Khoa Khoa học cơ bản 24 SV; Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non 251 SV; Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp 11 SV; Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh 95 SV; Khoa Văn hóa - Du lịch 35 SV; Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội 12 SV.

Kết quả khảo sát nhận thức của SV về mức độ cần thiết của việc NCKH và phát triển NL NCKH với 4 mức độ gồm: rất cần thiết, cần thiết, ít cần thiết, không cần thiết thu được kết quả như sau (bảng 1):

Bảng 1. Kết quả nhận thức của SV về NCKH và phát triển NL NCKH

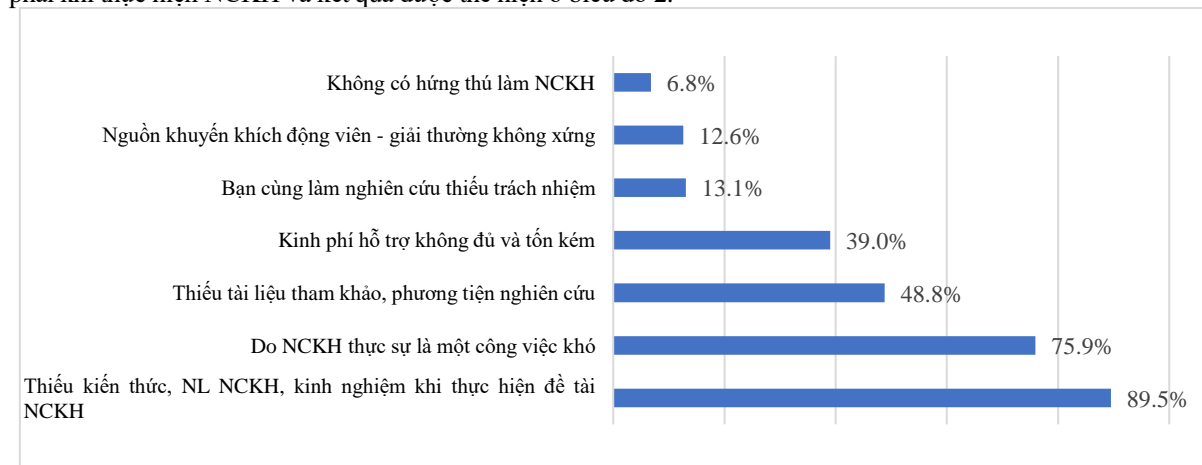
TT	NL NCKH	Rất cần thiết		Cần thiết		Ít cần thiết		Không cần thiết	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	Mức độ cần thiết của việc NCKH	51	11,9%	321	75,0%	24	5,6%	32	7,5%
2	Mức độ cần thiết phải phát triển NL NCKH	67	15,7%	276	64,5%	54	12,6%	31	7,2%

Để đánh giá về những lợi ích mà NCKH mang lại cho SV, tác giả đã đưa ra 6 lựa chọn để SV đánh giá, kết quả cho thấy, SV đánh giá khá cao về những lợi ích tích cực mà NCKH mang lại cho bản thân, chỉ có 7,5% SV được khảo sát cho rằng NCKH không mang lại lợi ích gì cho các em trong quá trình học tập tại trường và 22,2% SV được khảo sát cho rằng tham gia NCKH vì lí do sẽ được cộng điểm rèn luyện, điểm học tập (biểu đồ 1).



Biểu đồ 1. Nhận thức của SV về lợi ích thu được khi tham gia NCKH

Nhằm đánh giá những khó khăn của SV khi thực hiện NCKH, chúng tôi đã đưa ra một số khó khăn mà SV gặp phải khi thực hiện NCKH và kết quả được thể hiện ở biểu đồ 2.



Biểu đồ 2. Những khó khăn của SV khi tham gia NCKH

Biểu đồ 2 cho thấy, 89,5%SV được khảo sát cho rằng bản thân thiếu kiểu thức, NL NCKH, kinh nghiệm khi thực hiện đề tài NCKH; 75,9% đánh giá NCKH nói chung là công việc khó.

Ngoài ra, tác giả cũng đã tiến hành cho SV tự đánh giá mức độ tự tin về một số NL NCKH, kết quả cho thấy, SV tự đánh giá mình ở mức chưa tự tin chiếm từ 57,9% đến 75,0%, mức không tự tin từ 5,4% đến 15,7% (bảng 2).

Bảng 2. Kết quả mức độ tự tin của SV về NL NCKH

TT	NL NCKH	Rất tự tin		Tự tin		Ít tự tin		Không tự tin	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	Hình thành ý tưởng nghiên cứu	23	5,4%	51	11,9%	321	75,0%	33	7,7%
2	Xây dựng đề cương nghiên cứu	54	12,6%	78	18,2%	267	62,4%	29	6,8%
3	Thu thập và xử lý thông tin	43	10,0%	61	14,3%	301	70,3%	23	5,4%
4	Tư duy giải quyết vấn đề	34	7,9%	58	13,6%	269	62,9%	67	15,7%
5	Thiết kế mô hình, sản phẩm nghiên cứu	45	10,5%	66	15,4%	248	57,9%	69	16,1%
6	Thực nghiệm và xử lý kết quả thực nghiệm	58	13,6%	69	16,1%	251	58,6%	50	11,7%
X	Xây dựng báo cáo khoa học	42	9,8%	64	15,0%	277	64,7%	45	10,5%
8	Kiểm tra, đánh giá kết quả nghiên cứu	33	7,7%	52	12,1%	289	67,5%	54	12,6%
9	Bảo vệ đề tài nghiên cứu	51	11,9%	72	16,8%	277	64,7%	28	6,5%
10	Làm việc nhóm	59	13,8%	61	14,3%	265	61,9%	43	10,0%

Như vậy, kết quả khảo sát thực trạng sẽ là cơ sở để chúng tôi đề xuất các biện pháp nhằm phát triển NL NCKH cho SV Trường Đại học Tân Trào nói riêng và trong các trường đại học nói chung.

2.4. Một số giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên Trường Đại học Tân Trào

2.4.1. Hình thành và phát triển cho sinh viên một hệ thống các năng lực cần thiết phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học

Ngoài việc hình thành và phát triển cho SV các NL NCKH ở trên, GV cần hình thành và phát triển cho SV một hệ thống các NL cần thiết phục vụ cho hoạt động NCKH như sau:

- *Hình thành và phát triển cho SV NL tự học, tự nghiên cứu*: Để đạt được mục tiêu học tập cũng như nghiên cứu, mỗi SV cần phải chủ động trong học tập, xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với NL cá nhân và nội dung nghiên cứu mà mình lựa chọn. Nhằm phát huy NL tự học của SV, GV cần hướng dẫn SV từng bước lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu và kiểm tra kế hoạch đó của SV có bổ sung, đánh giá và nhận xét cụ thể.

- *Hình thành và phát triển cho SV NL tìm tòi NCKH*: NL tìm tòi NCKH là khả năng thực hiện tìm tòi nghiên cứu một chủ đề học tập hay thực tiễn theo quy trình NCKH của các nhà khoa học tạo ra sản phẩm có ý nghĩa với chính họ và cộng đồng. NL này gồm các thành tố: (1) Lập kế hoạch tìm tòi nghiên cứu; (2) Thực hiện kế hoạch tìm tòi nghiên cứu; (3) Viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Muốn hình thành và phát triển được NL tìm tòi NCKH cho SV, GV nên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học theo dự án, bàn tay nặn bột...

- *Bồi dưỡng NL đọc - viết cho SV*: NL đọc gắn liền với NL viết trong NCKH, là sự gắn bó của NL linh hoạt tri thức và sản sinh ra văn bản viết của SV. Muốn bồi dưỡng NL đọc - viết cho SV, GV hướng dẫn SV dựa vào nội dung nghiên cứu để lựa chọn phương pháp đọc, phạm vi khai thác tài liệu, đọc các thông tin cơ bản về sách; xem xét mục lục, hình dung dàn ý, logic trình bày của tác giả; đọc lời giới thiệu, lời mở đầu, hiểu mục đích viết tài liệu của tác giả, một số thông tin mà tác giả định hướng; đọc phần kết luận, tóm tắt cuối sách, nắm bắt tư tưởng chính mà tác giả hướng đến trong toàn bộ tài liệu; đọc lướt qua toàn bộ cuốn sách, xác định kiểu đọc cụ thể cho cả sách hay từng phần nội dung; đọc sâu, sử dụng các kiểu đọc hợp lý để khai thác nội dung của tài liệu; đặt câu hỏi phản biện với các nội dung đọc được, ghi lại những tư tưởng mới nảy sinh trong đầu; tóm tắt nội dung chính của tài liệu đã đọc. Ghi chép trong tự học có nhiều hình thức như: trích tài liệu, lập dàn ý tài liệu nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu tài liệu, viết bản tóm tắt tài liệu nghiên cứu...; trong đó, trích tài liệu và viết bản tóm tắt tài liệu nghiên cứu thường được sử dụng.

2.4.2. Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học có khả năng phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên trong dạy học

- *Tăng cường vận dụng dạy học theo hình thức seminar*: Seminar là một hình thức tự học có hướng dẫn, trong đó GV nêu mục tiêu cần đạt được, giới thiệu nguồn tài liệu, yêu cầu SV trình bày kết quả. Để tổ chức seminar có hiệu quả, GV cần: Dạy cho SV cách suy nghĩ như các nhà khoa học, tư duy kỹ thuật. Theo hướng đó, có thể sử dụng các kỹ thuật dạy học như “công não”, “bê cá”, “kim tự tháp”...; hướng dẫn, phát triển cho SV các NL thu thập và xử lý thông tin, lập luận logic, tư duy kỹ thuật, báo cáo kết quả...

- *Vận dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề giúp SV giải quyết một vấn đề khoa học:* Trong dạy học các học phần có liên quan, vận dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề sẽ giúp SV hình thành và phát triển NL nêu giả thuyết khoa học, thiết kế thí nghiệm, tiến hành thí nghiệm, thu thập, phân tích kết quả thí nghiệm để rút ra kết luận khoa học. Bên cạnh đó, phương pháp dạy học này còn giúp SV phát huy tính tích cực, tự giác, độc lập, sáng tạo, NL phát hiện và giải quyết vấn đề trong NCKH, NL tư duy logic... đó là những NL quan trọng để SV hoàn thành một đề tài NCKH.

- *Vận dụng phương pháp dạy học theo dự án để SV biết triển khai một đề tài NCKH:* Dạy học theo dự án là một phương pháp dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. phương pháp dạy học theo dự án không chỉ phát triển các NL tư duy khoa học, mà còn hướng tới phát triển NL tổng thể cho người học, giúp họ phát triển toàn diện các NL như: hợp tác, thu thập xử lí thông tin, trình bày vấn đề, thực nghiệm, viết báo cáo khoa học...

- *Vận dụng dạy học dựa trên tìm tòi, khám phá khoa học (dạy học khám phá) để SV là một nhà khoa học thực thụ:* Dạy học dựa trên tìm tòi, khám phá khoa học là phương pháp dạy học cung cấp cho SV cơ hội để trải nghiệm các hiện tượng và các quá trình khoa học. Nhờ phương pháp dạy học này, SV được tạo điều kiện để bộc lộ những quan niệm sai lầm vốn có của các em; khuyến khích SV trao đổi, thảo luận với nhau để đề xuất các giả thuyết, thu thập thông tin, tìm kiếm bằng chứng, xây dựng các kế hoạch hành động nhằm kiểm chứng giả thuyết ban đầu, từ đó tìm ra kết luận mang tính khoa học.

Ngoài những phương pháp dạy học tích cực nêu trên, trong dạy học các học phần có liên quan, GV còn sử dụng các phương pháp dạy học tích cực khác như: Bàn tay nặn bột, dạy học bằng bài tập tình huống, thiết kế các chuyên đề dạy học hay vận dụng các kĩ thuật dạy học tích cực để nâng cao chất lượng bài học, đồng thời giúp SV rèn luyện các NL NCKH đặc trưng trong dạy học các học phần có liên quan.

- *Tích hợp giảng dạy với phát triển NL NCKH cho SV:* Trong quá trình giảng dạy các học phần, GV cần khéo léo lồng ghép việc giảng dạy với việc phát triển NL NCKH cho SV bằng cách: + Dạy học kiến thức, kĩ năng cơ bản và dạy tư duy thế nào để tạo tiềm lực cho SV có khả năng NCKH. Để SV hoàn thành một đề tài NCKH thì SV phải nắm vững kiến thức, kĩ năng chuyên ngành của mình đã được học. Phải dạy cho họ phương pháp chiếm lĩnh tri thức, dạy nghiên cứu, dạy để SV có đủ tiềm lực để có khả năng tư duy; + Truyền đạt kinh nghiệm của GV cho SV trong triển khai các công việc của quá trình NCKH. Ví dụ: Làm thế nào để hình thành ý tưởng nghiên cứu; không có ý tưởng thì không thể thực hiện được đề tài. Không phải bất kì SV nào cũng có thể làm được NCKH mà cần khơi dậy đam mê cho những SV có NL và thực sự yêu thích NCKH; tập dượt cho SV NCKH, làm quen với hoạt động NCKH; + Giao các đề tài vừa sức và phù hợp với chuyên ngành mà SV đang được đào tạo.

2.4.3. Hướng dẫn sinh viên làm bài tập lớn, bài tập nghiên cứu khoa học

Trong biện pháp này, GV hướng dẫn SV thực hiện các bài tập môn học, đề tài môn học, đồ án môn học, đề tài NCKH (do khoa, trường tổ chức), đồ án tốt nghiệp. Kiến thức của một môn học sẽ được SV nhận thức thông qua nhiều phương pháp khác nhau: đọc giáo trình được GV cung cấp, bài giảng lí thuyết, thực hành, tài liệu tham khảo và kiến thức trên Internet. Với mỗi phương pháp, SV thu nhận một mặt khác nhau của môn học, thậm chí khá rời rạc, thu động, và nhiều khi còn mâu thuẫn. Do đó, các bài tập lớn sẽ tạo cơ hội để SV luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng, đào sâu suy nghĩ cũng như tiếp cận những kiến thức mới.

Để thực hiện tốt biện pháp này, trong quá trình giảng dạy các học phần, GV cần giao các bài tập lớn, bài tập NCKH cho SV thực hiện. Trong đó, GV chú ý đến việc xây dựng các tiêu chí để đánh giá các bài tập lớn đã giao cho SV như: Nội hàm kiến thức chứa trong bài tập lớn phải đảm bảo được độ rộng về kiến thức, khả năng hiểu sâu về kiến thức đó cũng như bản chất của kiến thức chứa trong đó; Khả năng áp dụng kiến thức vào thực tế; Phát hiện những kiến thức mới, độ chính xác của suy luận; Khả năng làm việc thể hiện ở: kĩ năng phân công nhóm, kĩ năng trình bày báo cáo, tiểu luận, kĩ năng thuyết trình; Ý thức trong công việc được đánh giá qua thời gian hoàn thành bài tập lớn theo đúng lịch trình, độ trung thực của bài tập lớn, ý thức ham học hỏi.

2.4.4. Tổ chức các chuyên đề liên quan tới chuyên ngành đã học của sinh viên gắn với thực tiễn nghề nghiệp

Hiện nay, các trường đại học đều xây dựng chương trình đào tạo kết hợp giữa đào tạo kiến thức với hình thành và phát triển kĩ năng nghề nghiệp cho SV để đáp ứng yêu cầu của người lao động. Vì vậy, trong quá trình đào tạo, Nhà trường cũng như các đơn vị có liên quan cần tổ chức cho SV được tham gia chuyên đề liên quan tới chuyên ngành mà mình đã học; mời các đơn vị sử dụng lao động tới nói chuyện để SV biết mình cần có những kiến thức và

kĩ năng nào để đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp; đưa SV đi thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động để họ tập phát hiện những đề tài có thể nghiên cứu, xem trong thực tế để giải quyết vấn đề đặt ra trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu, cũng như thực nghiệm kết quả nghiên cứu của đề tài để đánh giá tính khả thi. Đồng thời, trong quá trình đó, GV yêu cầu SV đề xuất các chủ đề, các nội dung nghiên cứu nhỏ và tập viết thành các báo cáo khoa học hoặc các bài báo khoa học vừa sức với SV.

Tuy nhiên, ngoài bồi dưỡng những NL NCKH đã nêu trên, Nhà trường cũng cần có những chính sách và định hướng cụ thể để phát triển NCKH như: Tổ chức các diễn đàn, tọa đàm, trao đổi về những lợi ích cụ thể khi tham gia NCKH dành cho SV; Xây dựng và ban hành các quy chế về giải thưởng NCKH trong SV, giúp SV thấy rõ các quyền lợi của mình khi tham gia NCKH; Tìm kiếm nguồn lực về kinh tế hỗ trợ cho SV trong quá trình nghiên cứu cũng như đưa sản phẩm vào thực tế; Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động NCKH; Kết hợp với đoàn thanh niên và hội SV nhà trường để thành lập các câu lạc bộ NCKH; Tích cực mở các lớp tập huấn hoặc các buổi hội thảo về công tác này.

3. Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận, phân tích các số liệu thống kê về tình hình NCKH trong SV và kết quả khảo sát về nhận thức, nhu cầu của SV về NCKH, nghiên cứu này đã chỉ ra một số vấn đề đang tồn tại trong hoạt động NCKH của SV Trường Đại học Tân Trào; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH của SV qua đó hình thành, phát triển và rèn luyện NL NCKH cho các em. Các giải pháp này được áp dụng tại Trường sẽ mang lại những hiệu quả tích cực, góp phần đẩy mạnh hoạt động NCKH trong SV Nhà trường; đồng thời các cơ sở giáo dục khác cũng có thể nghiên cứu, áp dụng một cách linh hoạt các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị để phát triển hoạt động NCKH trong SV.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả cảm ơn sự tài trợ của Trường Đại học Tân Trào cho nghiên cứu này.

Tài liệu tham khảo

- Babbie, E. R. (2011). *The Practice of Social Research*. Belmont CA: Wadsworth.
- Nguyễn Thị Minh Hồng, Nguyễn Vĩnh Khương (2016). Một số biện pháp phát triển năng lực nghiên cứu cho giảng viên trẻ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 7(85), 93-105.
- Nguyễn Xuân Quy (2015). Một số biện pháp phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh trong dạy học hóa học. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 6(72), 146-152.
- Quốc hội (2018). *Luật Khoa học và công nghệ* (ban hành kèm theo Văn bản số 04/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018).
- Sebarová, A. (2008). La compétence de recherche et son développement auprès des étudiants – futurs enseignants en République tchèque. *Recherche & Formation*, 59, 59-74.
- Trường Đại học Tân Trào (2022). *Quy chế chi tiêu nội bộ giai đoạn 2022-2025* (ban hành kèm theo Quyết định số 88/QĐ-ĐHTT ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào).
- Vũ Cao Đàm (2011). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giáo dục Việt Nam.